

NGHIÊN CỨU VỀ VẤN ĐỀ GIA TĂNG GÁNH NẶNG THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN VÀ MỘT SỐ GỢI Ý CHÍNH SÁCH

PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệu* - Đinh Lê Hạnh**

Luật thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam được ban hành năm 2007 đến nay đã hai lần điều chỉnh mức khấu trừ gia cảnh. Tuy nhiên, biểu thuế lũy tiến từng phần đối với thu nhập từ tiền công, tiền lương và mức khấu trừ tiêu chuẩn với một số khoản thu nhập phát sinh từng lần đã không được điều chỉnh. Thực tế này đã gia tăng gánh nặng thuế đối với người nộp thuế. Bài viết này minh họa cụ thể hiện tượng nhảy bậc thuế suất và thay đổi gánh nặng thuế thu nhập cá nhân do thiếu sự đồng bộ trong việc vận dụng cơ chế lũy tiến giản đơn và lũy tiến phức hợp của thuế thu nhập cá nhân. Khuyến nghị của bài viết là: cần điều chỉnh đồng bộ mức khấu trừ gia cảnh với biểu lũy tiến từng phần (đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công) và mức khấu trừ tiêu chuẩn (đối với một số khoản thu nhập phát sinh từng lần) để đảm bảo sự công bằng và triệt tiêu hệ quả gia tăng gánh nặng thuế đối với người có thu nhập.

• Từ khóa: thuế thu nhập cá nhân (TNCN), khấu trừ gia cảnh, lũy tiến từng phần, khấu trừ tiêu chuẩn, gánh nặng thuế.

The Law on Personal Income Tax in Vietnam, enacted in 2007, has twice adjusted the deduction of family circumstances. However, the progressive bracket table for wage income and the standard deduction amount for certain single income payments has not been adjusted. This fact has increased the tax burden on taxpayers. This article illustrates in detail the phenomenon of tax rate jumps and changes in the personal income tax burden due to the lack of synchronization in the application of the simple progressive and complex progressive mechanism of personal income tax. The recommendation of the article is: it is necessary to synchronously adjust the family deduction amount with the progressive bracket schedule (for salary and wages) and the standard deduction amount (for some irregular single income) to ensure fairness and eliminate the consequences of increasing tax burden on income earners.

• Keywords: personal income tax (PIT), family deduction, partial progression, standard deduction, tax burden.

Ngày nhận bài: 15/02/2022

Ngày gửi phản biện: 16/02/2022

Ngày nhận kết quả phản biện: 26/02/2022

Ngày chấp nhận đăng: 28/02/2022

Giới thiệu chung

Kể từ khi ban hành Luật vào năm 2007 (có hiệu lực từ 01/01/2009) đến nay, chính sách thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam đã có hai lần sửa đổi, bổ sung lớn về mức khấu trừ gia cảnh cho bản thân người nộp thuế và người phụ thuộc. Lần thứ nhất diễn ra vào năm 2012 (hiệu lực thi hành từ 1/7/2013) và lần thứ 2 vào năm 2020 (hiệu lực từ năm quyết toán thuế 2020). Ngoài sửa đổi về mức khấu trừ gia cảnh, thuế thu nhập đối với người có thu nhập từ tiền công và tiền lương và các khoản thu nhập khác (trừ thu nhập từ hoạt động kinh doanh được hướng dẫn riêng theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC) hầu như không có sự thay đổi nào khác. Việc cập nhật mức khấu trừ gia cảnh theo sự gia tăng của chỉ số giá qua các giai đoạn là một yêu cầu cần thiết để đảm bảo người có thu nhập duy trì được mức sống cơ bản cho người có thu nhập và người phụ thuộc theo sức mua tương đương. Tuy nhiên, chỉ điều chỉnh mức khấu trừ gia cảnh mà không thay đổi biểu thuế lũy tiến đối với thu nhập từ tiền công, tiền lương và không thay đổi mức miễn trừ tiêu chuẩn đối với một số khoản thu nhập phát sinh không thường xuyên khác đã dẫn đến hiện tượng nhảy bậc thuế suất của thu nhập tính thuế, làm cho nghĩa vụ của người nộp thuế có xu hướng tăng lên. Bài viết này điềm lại một số nguyên lý của việc đánh thuế

* Đại học Quốc gia ** Tập đoàn Đinh Lê

lũy tiến. làm rõ hiện tượng nhảy bậc thuế suất đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công và gia tăng gánh nặng thuế một số khoản thu nhập khác. Trên cơ sở đó rút ra một vài hàm ý cho việc hoàn thiện chính sách thuế thu nhập cá nhân.

1. Hai cấp độ đánh thuế lũy tiến với thu nhập

Việc đánh thuế lũy tiến với thu nhập cá nhân là điều ít cần bàn cãi vì nó thỏa mãn nguyên lý công bằng dọc - tức người có thu nhập cao hơn phải chịu thuế nhiều hơn cả về lượng (tuyệt đối) và cả về tỷ lệ tương đối (thuế phải nộp/tổng thu nhập). Yêu cầu này có thể được đạt được bởi hai cấp độ: lũy tiến giản đơn và lũy tiến phức hợp.

Lũy tiến giản đơn: thuế suất không nhất thiết phải lũy tiến (có thể ổn định) nhưng áp dụng một mức khấu trừ tiêu chuẩn (khấu trừ gia cảnh) trước khi tính thuế.

Cơ chế này có thể được minh họa qua ví dụ ở bảng sau:

Bảng 1: Lũy tiến giản đơn (thuế suất không lũy tiến)

Cá nhân	Mức thu nhập (Tr.đ)	Thu nhập chịu thuế	Thuế suất biên	Thuế phải nộp (Tr.đ)	Thuế phải nộp/ thu nhập
A	5	0		0	0%
B	10	5	5%	0,25	2,50%
C	15	10	5%	0,50	3,33%
D	20	15	5%	0,75	3,75%
E	25	20	5%	1,00	4,00%
F	30	25	5%	1,25	4,16%

Nguồn: Tác giả tự minh họa

Trên bảng 1, cột thứ hai cho biết các mức thu nhập của các cá nhân xếp theo thứ tự tăng dần. Cột thứ ba cho biết thu nhập tính thuế sau khi trừ đi mức khấu trừ tiêu chuẩn (miễn thuế) - trong ví dụ này là 5 triệu. Cột thứ năm cho biết số thuế phải nộp của mỗi cá nhân và cột cuối cùng cho biết tỷ lệ thuế phải nộp tính trên tổng thu nhập của mỗi cá nhân. Theo kết quả của cột cuối cùng, cá nhân có thu nhập càng cao thì tỷ lệ thuế phải nộp tính trên tổng thu nhập của cá nhân càng cao. Rõ ràng việc kết hợp giữa thuế suất ổn định với một mức khấu trừ tiêu chuẩn đã làm cho thuế mang tính chất lũy tiến. Có thể dễ dàng nhận thấy, với cơ chế lũy tiến giản đơn này, mức độ lũy tiến của

thuế khá lớn giữa những mức thu nhập thấp. Tuy nhiên, gia tốc lũy tiến sẽ giảm dần theo mức gia tăng của thu nhập. Ở những mức thu nhập cao hơn, hiệu ứng lũy tiến nhờ mức khấu trừ tiêu chuẩn sẽ giảm dần nên sự gia tăng tỷ lệ thuế tính trên tổng thu nhập chậm dần. Hơn nữa, mức lũy tiến giữa các bậc thu nhập phụ thuộc vào độ lớn của khấu trừ tiêu chuẩn. Nếu tỷ trọng khấu trừ tiêu chuẩn trong tổng thu nhập càng lớn thì hiệu ứng lũy tiến càng lớn và ngược lại. Đây chính là nhược điểm của cơ chế lũy tiến giản đơn - cơ chế lũy tiến chỉ nhờ vào hiệu ứng của khoản khấu trừ tiêu chuẩn. Do vậy, lũy tiến giản đơn thường chỉ được sử dụng với một số khoản thu nhập phát sinh từng lần, không thường xuyên như thu nhập từ quà tặng, thu nhập từ trúng thưởng...

Lũy tiến phức hợp: Kết hợp cả khấu trừ tiêu chuẩn và lũy tiến thuế suất

Cấp độ lũy tiến thứ hai tinh tế và trực diện hơn đó là lũy tiến phức hợp. Theo đó, sự chậm dần của gia tốc lũy tiến dựa trên cơ chế khấu trừ tiêu chuẩn sẽ được bù đắp bởi việc áp dụng biểu thuế suất lũy tiến - thuế suất tăng dần theo sự gia tăng của thu nhập. Thuế suất có thể lũy tiến từng phần (thuế suất gia tăng ứng với từng phần gia tăng của thu nhập) hoặc toàn phần (thuế suất gia tăng ứng với toàn bộ thu nhập). Hiệu ứng lũy tiến của thuế suất lũy tiến từng phần thấp hơn so với lũy tiến toàn phần. Tuy nhiên, sự thay đổi về số thuế phải nộp giữa các bậc của lũy tiến toàn phần thường không hợp lý nên hầu hết người ta sẽ áp dụng biểu lũy tiến từng phần. Bảng 2 thể hiện sự thay đổi của tỷ lệ thuế phải nộp/ thu nhập của cá nhân khi áp dụng cơ chế lũy tiến phức hợp.

Bảng 2: Lũy tiến phức hợp (kết hợp sử dụng khấu trừ tiêu chuẩn và thuế suất lũy tiến)

Cá nhân	Mức thu nhập (Triệu VND)	Thu nhập chịu thuế	Thuế suất biên	Thuế phải nộp (Triệu VND)	Thuế phải nộp/ thu nhập
A	5	0		0	0%
B	10	5	5%	0,25	2,50%
C	15	10	7%	0,60	4,00%
D	20	15	9%	1,05	5,25%
E	25	20	11%	1,60	6,40%
F	30	25	13%	2,25	7,50%

Nguồn: Tác giả tự minh họa

Tính toán trên bảng 2 cho thấy, kết hợp giữa khấu trừ tiêu chuẩn và lũy tiến thuế suất làm cho gia tốc lũy tiến của tỷ lệ thuế phải nộp tính trên tổng thu nhập của người chịu thuế được cải thiện đáng kể. Chẳng hạn, tỷ lệ thuế phải nộp tính trên tổng thu nhập của người có thu nhập cao nhất (30 triệu) với người có thu nhập thấp nhất chịu thuế (10 triệu) trên bảng 1 chỉ là 1,664 lần (4,16/2,5) thì ở bảng 2 tỷ lệ này là 3 lần (7,5/2,5). Sự thay đổi này nhờ vào hiệu ứng lũy tiến thuế suất. Nếu mức độ lũy tiến thuế suất càng cao, hiệu ứng lũy tiến tỷ lệ thuế phải nộp càng lớn. Hiệu ứng của lũy tiến thuế suất có thể triệt tiêu hoàn toàn hiện tượng gia tốc lũy tiến giảm dần nếu chỉ dùng cơ chế lũy tiến giản đơn như đã được chỉ ra ở phần trên và có thể tạo ra gia tốc lũy tiến dương. Kết hợp khéo léo giữa mức khấu trừ tiêu chuẩn và lũy tiến thuế suất để tạo ra thuế lũy tiến theo ý đồ là nghệ thuật của người làm chính sách. Hầu hết các quốc gia trên thế giới đều áp dụng cơ chế lũy tiến phức hợp đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công, thu nhập từ hoạt động kinh doanh. Một số khoản thu nhập phát sinh không thường xuyên có thể chỉ cần áp dụng cơ chế lũy tiến giản đơn.

2. Hiện tượng nhảy bậc thuế suất thuế thu nhập cá nhân

Kể từ khi Luật thuế Thu nhập cá nhân ở nước ta được ban hành năm 2007 đến nay đã có hai lần sửa đổi. Tuy nhiên, nội dung sửa đổi chủ yếu là điều chỉnh mức khấu trừ gia cảnh cho phù hợp với tốc độ gia tăng của giá cả. Cụ thể, từ năm 2007 đến 2013, chỉ số giá đã tăng gần gấp đôi nên mức khấu trừ gia cảnh cho bản thân người nộp thuế đã được điều chỉnh từ 4 triệu đồng/người/tháng lên thành 9 triệu. Khấu trừ gia cảnh cho người phụ thuộc được điều chỉnh từ 1,8 triệu thành 3,6 triệu đồng/người/tháng. Giai đoạn từ 2013 đến 2020, chỉ số giá tăng chậm hơn (chỉ khoảng 20%). Do vậy, ngày 2/6/2020, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã điều chỉnh mức khấu trừ gia cảnh lên thành 11 triệu đồng/người/tháng cho bản thân người nộp thuế và 4,4 triệu đồng/người/tháng cho người phụ thuộc, áp dụng cho năm tính thuế 2020. Việc điều chỉnh khấu trừ gia cảnh như trên đã khá kịp thời và phù hợp với biến động của giá cả thị trường. Tuy nhiên, do chỉ điều chỉnh mức khấu trừ gia cảnh mà không điều chỉnh khoảng thu nhập giản cách giữa các bậc thuế lũy tiến nên đã xảy ra hiện

tượng nhảy bậc thuế suất làm cho tỷ lệ thuế tính trên tổng thu nhập của người chịu thuế có xu hướng gia tăng trong khi thu nhập thực tế không tăng.

Bảng 3: Thay đổi tỷ lệ thuế phải nộp/tổng thu nhập qua các mốc thời gian

Các mốc tính thuế	TNCN/năm (Tr. đ)	Khấu trừ gia cảnh (Tr. đ)	TN tính thuế (Tr. đ)	Khoảng thu nhập (Tr. đ)	Bậc thuế suất (%)	Thuế thu nhập của từng bậc (Tr. đ)	Tổng số thuế phải nộp (Tr. đ)	Tỷ lệ thuế/tổng thu nhập
2009	150	91.2	58.8	58.8	5%	2.94	2.94	0.0196
2013	300	194.4	105.6	60	5%	3		
				45.6	10%	4.56	7.56	0.0252
2020	360	237.6	122.4	60	5%	3		
				60	10%	6		
				2.4	15%	0.36	9.36	0.026

Nguồn: Tác giả tự minh họa

Bảng 3 minh họa nghĩa vụ thuế phải nộp và tỷ lệ thuế/tổng thu nhập của một cá nhân có mức thu nhập tại thời điểm 2009 là 150 triệu đồng/năm với 2 suất khấu trừ gia cảnh cho người phụ thuộc. Năm 2013, thu nhập danh nghĩa của cá nhân này tăng lên thành 300 triệu đồng/năm. Tuy nhiên, thu nhập thực không thay đổi bởi chỉ số giá trong giai đoạn này đã tăng gấp đôi. Mặc dù, mức khấu trừ gia cảnh đã được điều chỉnh theo chỉ số giá (tăng hơn gấp đôi) nhưng tỷ lệ thuế phải nộp/tổng thu nhập đã tăng từ 1,96% lên thành 2,52%. Tương tự như vậy, năm 2020 thu nhập danh nghĩa tăng 20% thành 360 triệu nhưng thu nhập thực không thay đổi. Mức khấu trừ gia cảnh đã được điều chỉnh theo quyết định của UBTVQH nhưng tỷ lệ thuế/tổng thu nhập đã tăng từ 2,52% lên 2,6%. Sở dĩ có hiện tượng này là vì đã có sự nhảy bậc thuế lên mức cao hơn. Từ chỗ chỉ chịu bậc thuế thấp nhất (5%) năm 2009, đến năm 2013, một phần thu nhập đã bị đẩy lên bậc cao hơn (10%) và đến năm 2020 một phần thu nhập bị đẩy tiếp lên bậc thuế suất 15%. Như vậy, mặc dù thu nhập thực tế không thay đổi qua các mốc thời gian và mức

khấu trừ gia cảnh đã được điều chỉnh để phù hợp với sức mua của thu nhập nhưng gánh nặng thuế đã ngày càng cao hơn đối với cá nhân. Bảng 4 so sánh gánh nặng thuế (thuế/tổng thu nhập) của năm 2020 so với năm 2009 của 5 cá nhân có mức thu nhập giả định khác nhau theo thứ tự từ thấp đến cao.

Bảng 4: So sánh thay đổi gánh nặng thuế của các cá nhân từ 2009 - 2020

Cá nhân	Thu nhập/năm tính theo mốc 2009 (Tr.đ)	Tỷ lệ thuế tính trên thu nhập năm 2009 (%)	Thu nhập tương đương năm 2020 (Tr.đ)	Tỷ lệ thuế tính trên thu nhập năm 2020 (%)	Thay đổi (%)
A	400	10,49	960	15,26	+ 45,52
B	500	12,64	1.200	18,22	+ 44,13
C	600	13,66	1.440	21,06	+ 54,17
D	700	16,17	1.680	23,01	+ 42,30
E	800	17,80	1.920	24,51	+37,71

Nguồn: Tác giả tự minh họa

Trên bảng 4, cột thứ hai thể hiện thu nhập của các cá nhân ở thời điểm 2009. Áp dụng mức khấu trừ gia cảnh (có hai người phụ thuộc) của năm 2009 và biểu thuế lũy tiến từng phần sẽ có kết quả về số thuế phải nộp. Trên cơ sở đó tính ra tỷ lệ thuế so với tổng thu nhập của cá nhân ở cột thứ 3. Cột thứ tư thể hiện mức thu nhập có sức mua tương đương của các cá nhân trên cơ sở mức thu nhập của năm 2009 nhân với chỉ số giá qua hai lần điều chỉnh của năm 2013 (200%) và của năm 2020 (120%). Áp dụng mức khấu trừ gia cảnh của cá nhân có hai người phụ thuộc và biểu thuế lũy tiến của năm 2020 sẽ có kết quả thuế phải nộp chia cho tổng thu nhập của cá nhân ra được kết quả ở cột thứ 5. So sánh kết quả ở cột thứ 5 và thứ 3 cho ta thấy, tỷ lệ thuế của cá nhân tính trên tổng thu nhập đã thay đổi khá nhiều (cột 6). Với hầu hết các cá nhân, nghĩa vụ thuế đều đã gia tăng từ 40% - 50%. Đây là hệ quả của việc nhảy bậc thuế suất của những người có thu nhập ở mức trung bình của biểu thuế do giãn cách giữa các bậc thuế không được điều chỉnh. Nếu biểu thuế và tỷ lệ động viên của thuế thu nhập cá nhân ban hành vào năm 2007 là hợp lý thì việc chỉ điều chỉnh mức khấu trừ gia cảnh mà không điều chỉnh biểu thuế đã làm

cho thuế thu nhập cá nhân dần dần đi chệch mục tiêu ban đầu. Cụ thể, như phân tích ở trên, gánh nặng thuế ngày càng cao hơn với người nộp thuế trong khi thu nhập thực không thay đổi.

Hiện tượng trên còn gây ra một hệ quả khác đó là: tạo ra sự bất bình đẳng giữa đối tượng cư trú và không cư trú. Theo quy định của Luật thuế TNCN, đối tượng không cư trú sẽ nộp thuế với tỷ lệ 20% trên thu nhập phát sinh ở Việt Nam không phân biệt mức thu nhập. Trong khi đó, với đối tượng cư trú, nếu đạt mức thu nhập chưa đến 1.500 triệu/năm (thời điểm 2020) thì thuế tính trên thu nhập đã vượt 20%. Trên bảng 4, các cá nhân C, D, E đều có tỷ lệ thuế phải nộp tính trên thu nhập vượt 20% ở thời điểm 2020. Như vậy, thuế thu nhập cá nhân đã không khuyến khích các chuyên gia nước ngoài đến làm việc lâu dài ở Việt nam và có thể làm mất lợi thế so sánh với các nước khác trong khu vực.

3. Hiện tượng gia tăng gánh nặng thuế với các khoản thu nhập phát sinh từng lần

Luật thuế TNCN quy định không áp dụng biểu thuế lũy tiến đối với một số khoản thu nhập phát sinh từng lần mà áp dụng mức thuế suất tỷ lệ trên cơ sở cho khấu trừ tiêu chuẩn bằng số tuyệt đối. Cụ thể, với thu nhập từ bản quyền, chuyển giao công nghệ, chuyển quyền sở hữu trí tuệ, nhượng quyền thương mại, thuế TNCN được xác định bằng 5% tính trên phần thu nhập vượt trên 10 triệu đồng/lần. Một số khoản thu nhập khác như thu nhập từ trúng thưởng, thu nhập từ thừa kế, quà tặng, thuế TNCN được xác định bằng thu nhập vượt trên 10 triệu đồng/lần nhân với thuế suất 10%. Thực chất đây là thuế lũy tiến gián đơn đã được đề cập ở phần trên.

Bảng 5: So sánh gánh nặng thuế TNCN của thu nhập từ bản quyền (5%)

2009			2013			2020		
Thu nhập (Tr.đ)	Thuế (Tr.đ)	% TN	Thu nhập (Tr.đ)	Thuế (Tr.đ)	% TN	Thu nhập (Tr.đ)	Thuế (Tr.đ)	% TN
20	0,5	2,50	20	1,5	3,15	48	1,9	3,96
30	1,0	3,33	60	2,5	4,17	72	3,1	4,31
50	2,0	4,00	100	4,5	4,50	120	5,5	4,58

Nguồn: Tác giả tự minh họa

Trong suốt thời gian từ khi ban hành Luật đến nay, mức khấu trừ 10 triệu đồng/lần đã không được điều chỉnh cùng với việc điều chỉnh khấu trừ gia cảnh (ở các lần 2013 và 2020) làm cho gánh nặng thuế của cá nhân có thu nhập phát sinh từng lần tăng lên đáng kể. Bảng 5 minh họa gánh nặng thuế (thuế phải nộp/tổng thu nhập nhận được) của các cá nhân có thu nhập từ bản quyền (thuế suất 5% tính trên thu nhập vượt trên 10 triệu đồng) qua các thời kỳ: 2009, 2013 và 2020.

Trên bảng 5, thu nhập của cá nhân ở mốc thời gian 2009, 2013 và 2020 có sức mua tương đương nhau (điều chỉnh theo chỉ số giá). Tuy nhiên, do mức miễn thuế (khấu trừ tiêu chuẩn) không thay đổi nên gánh nặng thuế thực chất đã tăng dần. Ví dụ, người có thu nhập hai mươi triệu đồng từ bản quyền tác giả năm 2009 chỉ phải trả thuế 2,5% trên thu nhập, thì đến năm 2013 họ phải trả thuế 3,15% trên thu nhập và đến 2020 phải trả thuế 3,96%, trong khi thu nhập thực của người này không thay đổi. Ở các mức thu nhập 30 triệu hoặc 50 triệu cũng có hiện tượng gia tăng gánh nặng thuế giữa các mốc thời gian. Dù chỉ là lũy tiến gián đơn nhưng vẫn có hiện tượng nhảy thuế do mức khấu trừ tiêu chuẩn không được điều chỉnh theo chỉ số giá.

4. Một số hàm ý hoàn thiện chính sách thuế thu nhập cá nhân

Trên đây là bức tranh gánh nặng thuế thu nhập cá nhân đối với các khoản thu nhập từ tiền công, tiền lương (áp dụng biểu thuế lũy tiến từng phần) và một số khoản thu nhập phát sinh từng lần (áp dụng mức thuế suất 5% hoặc 10%) qua các lần điều chỉnh theo chỉ số giá ở nước ta. Cả hai trường hợp đều cho thấy sự thay đổi gánh nặng thuế theo hướng gia tăng trong khi thu nhập thực của cá nhân không thay đổi. Đây là hệ quả của việc chỉ tập trung điều chỉnh mức khấu trừ gia cảnh mà thiếu sự đồng bộ trong việc điều chỉnh biểu thuế (với thu nhập từ tiền lương, tiền công) và điều chỉnh giới hạn miễn thuế (với thu nhập phát sinh từng lần). Vì vậy, để đảm bảo chính sách thuế thu nhập cá nhân nhất quán với mục tiêu ban đầu, một số khuyến nghị cần thiết là:

Thứ nhất, điều chỉnh lại biểu thuế lũy tiến từng phần với thu nhập từ tiền lương, tiền công theo hướng giãn cách lớn hơn giữa các bậc thuế nhằm triệt tiêu hiện tượng nhảy bậc thuế suất cao hơn sau mỗi lần điều chỉnh mức khấu trừ gia cảnh.

Thứ hai, điều chỉnh mức miễn trừ tiêu chuẩn (mức thu nhập miễn thuế) cho những khoản thu nhập phát sinh từng lần theo hướng tăng theo chỉ số giá. Có như vậy mới khắc phục được hiện tượng gia tăng gánh nặng thuế đối với người có thu nhập và nộp thuế theo từng lần phát sinh.

Một chính sách thuế thu nhập cá nhân tốt phải được điều chỉnh phù hợp với sự thay đổi của thực tiễn nhưng phải đảm bảo sự đồng bộ giữa các yếu tố thành phần. Đánh thuế lũy tiến vào thu nhập của cá nhân thực chất là một nghệ thuật kết hợp giữa mức khấu trừ tiêu chuẩn và biểu lũy tiến từng phần. Đây là cơ chế lũy tiến phức hợp. Nếu chỉ điều chỉnh một thành tố mà không có sự điều chỉnh tương thích của thành tố còn lại có thể gây tác động phụ không mong muốn làm giảm tính công bằng và hợp lý của thuế thu nhập cá nhân./.

Tài liệu tham khảo:

Nghị quyết số: 954/2020/UBTVQH14 ngày 2/6/2020 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về việc điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế thu nhập cá nhân.

Luật thuế Thu nhập Cá nhân số 04/2007/QH12 và các luật sửa đổi.

Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân.

Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh.